

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 54/2018/DS-PT

Ngày 18-4-2018

V/v Yêu cầu hủy hợp đồng
chuyển nhượng quyền sử dụng
đất và yêu cầu hủy giấy chứng
nhận quyền sử dụng đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Hữu Mừng

Ông Bùi Hữu Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Xuân Nần Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa:
Ông Hoàng Thế Trọng - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 22/2018/TLDS-PT ngày 27/2/2018 về việc Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2018/QĐ-PT ngày 19/3/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Ông L**, sinh năm 1957.

Trú tại: số 145/15, đường H, tổ 12 (tổ 34 cũ), thị trấn L, , tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông V, sinh năm 1982.

Trú tại: số nhà 896, quốc lộ 20, tổ 14 (tổ 40 cũ), thị trấn L, , tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Trần Thị Xuân N, sinh năm 1954.

Trú tại: số nhà 162, Thôn P, xã H, , tỉnh Lâm Đồng.

2. Ủy ban nhân dân , tỉnh Lâm Đồng

Trụ sở: Quốc lộ 20, thị trấn L, , tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V – Chức vụ: Chủ tịch Người đại diện theo ủy quyền: Ông A – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường, tỉnh Lâm Đồng.

3. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng.

Trụ sở: Tầng 3, Trung tâm hành chính tỉnh Lâm Đồng số 36, đường Trần Phú, Phường 4, Thành phố L.

Người đại diện theo pháp luật: Ông N – Chức vụ: Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông H – Chức vụ: Giám đốc chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai, tỉnh Lâm Đồng.

4. Ông D, sinh năm 1983.

Cư trú tại: Hẻm 127/22 đường H, tổ 12 (tổ 34 cũ), thị trấn L, , tỉnh Lâm Đồng.

Do có kháng cáo của: ông **Ông L** - Nguyên đơn.

(Ông L, ông V, ông D có mặt, các đương sự còn lại có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Ông L trình bày: Ngày 30/8/2003 ông có ký giấy sang nhượng đất (giấy viết tay giữa ông, Bà N với Ông V). Nội dung ông và Bà Trần Thị Xuân N sang nhượng cho ông V 01 lô đất chiều rộng 5m, dài hết đất, trừ đường đi 2,5m; Đông giáp đất cô Lê Thị T, Tây giáp đất Bà N, Nam giáp đất anh P, Bắc giáp đất anh L; Lô đất này thuộc thửa đất số 383/132m² giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông V (nay đã sang tên cho ông D). Số tiền chuyển nhượng đất 15.000.000 đồng, Bà N nhận tiền. Tuy nhiên, sau đó ông không đồng ý chuyển nhượng lô đất này nữa nên ông không đến Ủy ban nhân dân thị trấn L để ký hợp đồng sang nhượng, ông nghĩ ông không đến ký hợp đồng và để Bà N trả lại tiền cho Ông V.

Thời gian từ năm 2003 đến năm 2006 ông và Bà N không sống chung với nhau. Sau khi chuyển nhượng mấy lô đất thì Bà N ra ngoài thuê quán bán cà phê còn ông vẫn sống ở nhà. Năm 2006 ông và Bà N ly hôn, có quyết định ly hôn và có thỏa thuận về tài sản. Sau khi ly hôn, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà Trần Thị Xuân N do con gái ông cầm, đến khi nhận được thông báo của Tòa án thì ông đã lấy về, hiện nay ông đang giữ bản chính. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

-Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng giữa Bà N với Ông V tại Ủy ban nhân dân thị trấn L ngày 07/3/2005, yêu cầu hủy giấy sang nhượng ngày 30/8/2003 vì đây là giấy viết tay không có giá trị pháp lý.

- Yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 72233 do Ủy ban nhân dân cấp ngày 30/10/2008 đã cấp cho ông V và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 481718 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp

ngày 24/01/2017 cấp cho ông D để trả lại thửa đất 383/132m² tờ bản đồ số 73, thị trấn L, , tỉnh Lâm Đồng cho ông.

Về tài sản trên đất: gồm 03 cây vú sữa, 01 cây xoài, 01 cây măng cầu, 01 cây mận, 01 cây bơ ghép, 01 phần chuồng heo, hầm biogas. Trong trường hợp Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông thì ông đồng ý di dời toàn bộ các tài sản trên đất này để trả lại đất cho ông D.

Bị đơn ông V trình bày: Vào năm 2003 ông có nhận chuyển nhượng của Bà Trần Thị Xuân N, ông Ông L 01 lô đất nay thuộc thửa đất số 383/132m². Ông nhận chuyển nhượng của ông Q và Bà N có giấy tờ viết tay, cả ông Q và Bà N cùng ký giấy sang nhượng (tờ giấy sang nhượng ghi là 15.000.000 đồng. Ông đã giao đủ tiền cho vợ chồng ông Q, Bà N. Vào thời điểm năm 2005 tại thị trấn L chưa có Văn phòng công chứng nên ông và Bà N đến UBND thị trấn L lập hợp đồng chuyển nhượng có chứng thực ở Ủy ban. Sau đó, Bà N là người dẫn ông đến UBND thị trấn L và làm thủ tục tách sổ sang tên cho ông. Do ông nhận chuyển nhượng là hợp pháp nên được Nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đến năm 2016 ông đã chuyển nhượng lại toàn bộ lô đất này cho ông D và làm thủ tục sang tên cho Ông H. Từ khi nhận chuyển nhượng lô đất này cho đến khi sang nhượng lại cho Ông H, ông không sử dụng lô đất này.

Ông không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Ông L. Vì việc ông nhận chuyển nhượng với ông Q, Bà N lô đất này thuộc thửa đất số 383/132m² là hợp pháp và ông đã được Ủy ban nhân dân cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Sau đó, ông chuyển nhượng lại lô đất này cho Ông H cũng hợp pháp.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập ông D trình bày:

Vào ngày 02/12/2016 ông có nhận chuyển nhượng ông V 01 lô đất nay thuộc thửa đất số 383/132m², đất nông nghiệp tại hẻm 145, đường H, tổ 34, thị trấn L, , tỉnh Lâm Đồng với giá 170.000.000 đồng. Lúc nhận chuyển nhượng có lập hợp đồng và công chứng tại phòng Công chứng Âu Lạc. Sau khi hoàn tất thủ tục nhận chuyển nhượng ông đã tiến hành đo đạc, làm thủ tục sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 481718 ngày 24/01/2017 cho ông. Nguồn gốc đất theo ông được biết là do ông Q chuyển nhượng cho Ông V.

Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Ông L, vì ông nhận chuyển nhượng đất của Ông V có hợp đồng công chứng, nhận chuyển nhượng hợp pháp, đã giao đủ tiền và đã làm thủ tục sang tên sổ đỏ cho ông. Do đó, ông có yêu cầu độc lập đối với ông Ông L; yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Ông L phải di dời các tài sản trên đất, bao gồm: 03 cây vú sữa trên 10 năm, 01 cây xoài trên 07 năm, 01 cây măng cầu trên 10 năm, 01 cây mận trên 10 năm, 01 cây bơ ghép trên 05 năm, 01 phần chuồng heo do ông Ông L xây dựng có diện tích 27,4m² và một phần hầm biogas có khối lượng 0,116m³ để trả lại diện tích đất 132m², thuộc thửa 383 tờ bản đồ 73 tại thị trấn L cho ông.

Bà Trần Thị Xuân N trình bày: Vào ngày 30/8/2003 bà và ông Ông L có chuyển nhượng cho ông V 01 lô đất (theo giấy sang nhượng đất ngày 30/8/2003, giấy viết tay giữa bà, ông Q và Ông V, tờ giấy này do bà viết) chiều rộng 5m, dài hết đất, trừ đường 2,5m. Đông giáp đất cô Lê Thị T, Tây giáp đất Bà Trần Thị Xuân N, Nam giáp đất anh P, Bắc giáp đất anh L với giá 15.000.000 đồng, Ông V đã giao đủ số tiền nay cho bà. Ông Q đồng ý việc bà sang nhượng đất cho Ông V và ký giấy sang nhượng, ông Q cũng biết việc bà đã nhận đủ số tiền này từ Ông V.

Bà và ông Q đã ly hôn năm 2006, lúc giải quyết ly hôn bà không yêu cầu giải quyết về tài sản. Từ thời điểm chuyển nhượng đất cho Ông V, bà và ông Q không chung sống với nhau, ông Q vẫn ở nhà còn bà ra ngoài thuê quán bán cà phê. Từ đó đến nay ông Q vẫn sinh sống, quản lý sử dụng trên diện tích đất còn lại theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Bà Trần Thị Xuân N, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này vẫn giao cho ông Q quản lý.

Đến ngày 07/3/2005 bà và Ông V đến UBND thị trấn L làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Ông Q không đi cùng nhưng bà vẫn làm hợp đồng chuyển nhượng cho Ông V, vì trước đó ông Q đã đồng ý chuyển nhượng diện tích đất này cho Ông V.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Ông L, bà có ý kiến như sau: Bà không có tranh chấp gì, bà yêu cầu giữ nguyên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông V.

Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lâm Đồng trình bày: Đối với yêu cầu của các đương sự cũng như nội dung vụ án, Ủy ban nhân dân huyện T không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng trình bày: Đối với yêu cầu của các đương sự cũng như nội dung vụ án, Ủy ban nhân dân huyện T không có ý kiến gì. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng không thành

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 68/2017/DS-ST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng đã xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ông L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/3/2005 giữa Bà Trần Thị Xuân N với ông V, hủy giấy sang nhượng đất ngày 30/8/2003 giữa ông Ông L và Bà Trần Thị Xuân N với ông V, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 722233 do UBND cấp ngày 30/10/2008 cho ông V và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 481718 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/01/2017 cho ông D.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D đối với ông Ông L. Buộc ông Ông L phải di dời các tài sản trên đất bao gồm: 03 cây vú sữa trên 10 năm, 01 cây xoài trên 07 năm, 01 cây măng cầu trên 10 năm, 01 cây mận trên 10 năm, 01 cây bơ ghép trên 5 năm, 01 phần chuồng heo do ông Q xây dựng có diện tích 27,4m² và một phần hầm biogas có khối lượng

0,116m³ để trả lại diện tích đất 132m² thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 73 thị trấn L, cho ông D.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Ông L phải chịu chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá là 2.000.000 đồng. Ông Q đã nộp và quyết toán xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2018 ông Q kháng cáo không đồng ý toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm. Đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa hôm nay: ông Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, Ông V, Ông H không đồng ý với kháng cáo của ông Q, đề nghị giải quyết như án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời nêu quan điểm đề nghị: không chấp nhận kháng cáo của ông Q, căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Q yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa Bà N với Ông V và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND cấp cho Ông V và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp cho Ông H nhưng bị đơn Ông V không đồng ý, Ông H có yêu cầu độc lập yêu cầu ông Q di dời các tài sản trên đất tranh chấp nên giữa các bên phát sinh tranh chấp. Cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp “*Yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*” là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của ông Q thì thấy rằng:

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 30/8/2003 ông Q và Bà N viết giấy tay chuyển nhượng cho Ông V một lô đất chiều rộng 5m, chiều dài hết đất, trừ lộ giới đường đi 2,5m với giá 15.000.000 đồng. Đến ngày 07/3/2005 Bà N với Ông V ký kết hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được UBND thị trấn L chứng thực ngày 23/8/2005, ngày 25/10/2005 Ông V được UBND cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 838141 với diện tích 129m², thuộc thửa số 1080, tờ bản đồ số 22 tọa lạc tại Thị trấn L, . Do giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị tẩy xóa nên ngày 30/10/2008 Ông V được UBND cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích 132m², thửa 383, tờ bản đồ số 73 (2007) tọa lạc tại Thị trấn L, . Khi Ông V được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì ông Q không có ý kiến gì. Hơn nữa, tại công văn số 1700/UBND ngày 25/8/2017 của Ủy

ban nhân dân trả lời về trình tự thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Ông V là đúng theo quy định của pháp luật. Ngày 02/12/2016 Ông V đã chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất nêu trên cho Ông H, hợp đồng chuyển nhượng được Văn phòng công chứng A chứng thực và Ông H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 481718 ngày 24/01/2017. Mặt khác, tại giấy chuyển quyền sử dụng giữa Bà N với ông Q, có chữ ký của ông Q và Bà N ngày 07/10/2003 có nội dung: “*chúng tôi đã đồng ý bán bốn lô rồi*” và theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 82/2006/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2006 của Tòa án nhân dân thì giữa ông Q và Bà N có thỏa thuận về phân tài sản như sau: “*Ông Q và con chung Lê Văn T được quyền sở hữu một ngôi nhà có kích thước 7m x 5m tường ván, mái tôn, nền xi măng trên diện tích đất được quyền sử dụng là 377m², thửa số 1081, tờ bản đồ số 22; cho con chung Lê Thị H được quyền sử dụng diện tích đất 127m², thửa đất số 1046, tờ bản đồ số 22 (thửa đất này giáp với thửa đất số 1080 đã chuyển nhượng cho Ông V), cho con chung Lê Thị T được sử dụng diện tích đất là 120m², thửa 1065, tờ bản đồ số 22*” (BL 131). Theo hợp đồng phân chia đất ông Q đã ký tên thể hiện giữa ông Q và Bà N đã phân chia tài sản khi ly hôn nhưng không bao gồm 04 thửa đất (04 lô) đã chuyển nhượng, trong đó có thửa đất số 1080 (nay thuộc thửa 383) đã chuyển nhượng cho Ông V (BL 129). Như vậy, ông Q và Bà N đã thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho Ông V; Ông V chuyển nhượng cho Ông H, ông Q cũng đã biết nhưng không có ý kiến gì, mọi thủ tục chuyển nhượng giữa các bên đã được hoàn tất nên yêu cầu khởi kiện của ông Q là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ông H về việc yêu cầu ông Q di dời các tài sản trên đất thì thấy rằng: Ngày 02/12/2016 giữa Ông H và Ông V có xác lập với nhau một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và đã được Văn phòng công chứng A chứng thực, Ông H đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 24/01/2017, giữa Ông H và Ông V không tranh chấp gì với nhau nhưng ông Q cho rằng do không chuyển nhượng đất cho Ông V nên không đồng ý di dời các tài sản trên đất. Ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu khởi kiện của Ông H là có căn cứ nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu độc lập của Ông H là đúng.

[3] Về chi phí tố tụng: Buộc ông Ông L phải chịu chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá là 2.000.000 đồng. Ông Q đã nộp và quyết toán xong.

[4] Về án phí: Buộc ông Q phải chịu 600.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự phúc thẩm. Tuy nhiên, ông Q sinh năm 1957 là người cao tuổi theo quy định của Luật người cao tuổi nên căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, ông Q được miễn án phí. Hoàn trả cho ông Q tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Từ phân tích trên cho thấy cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất của vụ án. Do vậy cần bác yêu cầu kháng cáo của Quế, sửa bản án sơ thẩm về phần án phí như đã nhận định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Ông L, sửa án sơ thẩm. Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ông L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết: Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 07/3/2005 giữa Bà Trần Thị Xuân N với ông V, hủy giấy sang nhượng đất ngày 30/8/2003 giữa ông Ông L và Bà Trần Thị Xuân N với ông V, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AN 722233 do UBND cấp ngày 30/10/2008 cho ông V và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 481718 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 24/01/2017 cho ông D.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D đối với ông Ông L. Buộc ông Ông L phải di dời các tài sản trên đất bao gồm: 03 cây vú sữa trên 10 năm, 01 cây xoài trên 07 năm, 01 cây măng cầu trên 10 năm, 01 cây mận trên 10 năm, 01 cây bơ ghép trên 5 năm, 01 phần chuồng heo do ông Q xây dựng có diện tích 27,4m² và một phần hầm biogas có khối lượng 0,116m³ để trả lại diện tích đất 132m² thuộc thửa 383, tờ bản đồ số 73 thị trấn L, cho ông D.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Ông L phải chịu chi phí xem xét thẩm định, đo đạc, định giá là 2.000.000 đồng. Ông Q đã nộp và quyết toán xong.

3. Về án phí: Hoàn trả cho ông Ông L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006421 ngày 12/4/2017 và 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007237 ngày 22/01/2018 của Chi cục thi hành án Dân sự .

Hoàn trả cho ông D 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006293 ngày 23/02/2017 của Chi cục thi hành án Dân sự .

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện Đ (02);
- Phòng KTNV & THA;
- Các đương sự;
- Lưu AV - HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm Phán – Chủ Tọa Phiên Tòa

(đã ký)

Vũ Thị Nguyệt

